

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 86/2020/DS-PT

Ngày: 15/5/2020

V/v: “ *Đòi tài sản là quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hoàn trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Thanh Long**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Nguyễn Văn Tào.**

- Thư ký phiên toà: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh** - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà **Bùi Thị Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về “*Đòi tài sản là quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hoàn trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 551/2020/QĐ-PT ngày 20/4/ 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N; địa chỉ: xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N: Ông Hoàng Văn H; địa chỉ: thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

* Bị đơn:

1. Bà Phạm Thị Đ; địa chỉ: thôn T 3, xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn

xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Lê Thị T; địa chỉ: thôn T 3, xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

3. Bà Lê Thị L; địa chỉ: trị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

4. Bà Lê Thị S; địa chỉ: xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Bà Lê Thị Kim P; địa chỉ: huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện D; trụ sở: thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo pháp luật ông Đinh Văn T, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện D.

Đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Hữu H, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D. Vắng mặt.

2. Bà Diệp Thị H; địa chỉ: huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Lê Diệp Liên H1; địa chỉ: thôn T 3, xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

4. Bà Lê Diệp Anh Đ; địa chỉ: thôn T 2, xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

5. Bà Lê Diệp Tường V; địa chỉ: thôn T 3, xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Bà Lê Diệp Liên H1, bà Lê Diệp Anh Đ, bà Lê Diệp Tường V ủy quyền cho bà Diệp Thị H tham gia tố tụng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hoàng Văn H trình bày:

Ngày 23/5/1973, ông bà ngoại của ông Nguyễn Văn N là ông Lê P (đã chết) và bà Lương Thị D (đã chết) đã lập Biên bản đồng ưng tương phân động sản và bất động sản. Trong đó, chia cho ông Lê T (cậu ruột ông N) và Lê Thị X (mẹ đẻ ông N) thừa đất số hiệu 487 (nay là thửa đất số 855, tờ bản đồ số 3 tại thôn T 3, xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa). Biên bản phân chia tài sản đã được chứng thực tại ủy ban hành chính xã L. Sau đó, bà Nguyễn Thị X cho ông Lê T canh tác, sử dụng phần đất của bà X được chia. Tuy nhiên, đến năm 1998, ông Lê T và bà Phạm Thị Đ đã đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, trong đó có vì diện tích là đất của bà X. Do ông T đã làm nhà chồng lấn lên đất bà X và

thời điểm đó ông Lê P (bố của ông T và bà X) đã già yếu nên về sinh sống với ông T nên bà X chưa yêu cầu ông T trả lại đất. Năm 2018, bà X chết, đến tháng 01/2019 bố ông N là ông Nguyễn C chết, ông N là con duy nhất và là người thừa kế duy nhất của bà X.

Sau khi bà X mất, ông N đã yêu cầu bà Phạm Thị Đ (ông Lê T) chết năm 2013) trả lại phần đất của bà X cho ông N nhưng bà Đ không đồng ý. Ủy ban nhân dân xã L đã tổ chức hòa giải, hai bên đã thống nhất bà Đ sẽ hợp gia đình và hỗ trợ 90.000.000đ để ông N nhang khói cho bà X, nhưng sau đó gia đình bà Đ đã không đồng ý trả cho ông N khoản tiền trên.

Hiện nay, Nhà nước đã thu hồi, giải tỏa 689,6m² của thửa đất trên để làm đường, diện tích còn lại là 790,4m². Bà Đ đã nhận tiền bồi thường 595.420.000đ (trong đó bồi thường thu hồi đất là 111,700.000đ).

Ông N khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Đ, bà Lê Thị T, bà Lê Thị L, bà Lê Thị S, bà Lê Thị Kim P trả lại 437m² đất thuộc thửa đất số 855, tờ bản đồ số 3 xã L, huyện D và yêu cầu bà Phạm Thị Đ trả lại 55.850.000đ tiền đền bù giải tỏa đất; yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 00316QSDĐ/DL-DK ngày 11/5/1998 do ủy ban nhân dân huyện D cấp cho hộ ông Lê T và bà Phạm Thị Đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Phạm Thị Đ trả lại 55.850.000đ tiền đền bù giải tỏa đất.

- *Tại phiên tòa, các bị đơn là bà Phạm Thị Đ, bà Lê Thị T, bà Lê Thị L vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn từ chối trình bày.*

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Lê Thị S và bà Lê Thị Kim P trình bày: Chị em bà không nghe bố bà là ông Lê T nói thừa đất của gia đình bà có phần đất của bà Lê Thị X; gia đình bà cũng không biết có Biên bản đồng ưng tương phân động sản và bất động sản. Bà không biết gì nên không trình bày ý kiến.

- *Tại Bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Diệp Thị H trình bày:*

Bà Diệp Thị H là vợ ông Lê Văn M (chết năm 1999), là con dâu ông Lê T và bà Phạm Thị Đ. Bà H về làm dâu từ năm 1980, thời gian sinh sống ở nhà chồng, bà H có nghe bố chồng là ông Lê T nói đất gia đình bà đang ở là của ông bà nội cho ông Lê T và bà Lê Thị X, nên bà H đồng ý trả lại phần đất của bà X cho ông Nguyễn Văn N. Về tài sản trên đất, sau khi nhận tiền đền bù, hỗ trợ của Nhà nước, bà Đ đã xây dựng ngôi nhà hiện nay bà Đ đang sinh sống. Bà H không có công sức đóng góp gì trong việc xây dựng ngôi nhà này nên bà H không yêu cầu gì.

- *Tại Bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Diệp Liên H1, bà Lê Diệp Anh Đ, bà Lê Diệp Tường V trình bày:*

Bà Lê Diệp Liên H1, bà Lê Diệp Anh Đ, bà Lê Diệp Tường V là con ruột của ông Lê Văn M và bà Diệp Thị H, là cháu nội của ông Lê T và bà Phạm Thị Đ. Bà H1, bà Đ và bà V thống nhất với ý kiến của bà Diệp Thị H đồng ý trả lại phần đất của bà X cho ông Nguyễn Văn N. Ngoài ra không có yêu cầu gì.

Với nội dung trên,

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 20/2019/LĐ-ST ngày 08/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ Đ 166 Bộ luật dân sự; khoản 2 Đ 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Án lệ số 24/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N.

Buộc bà Phạm Thị Đ, bà Lê Thị T, bà Lê Thị L, bà Lê Thị S, bà Lê Thị Kim P và các đồng thừa kế của ông Lê Văn M là bà Diệp Thị H, bà Lê Diệp Liên H1, bà Lê Diệp Anh Đ và bà Lê Diệp Tường V phải trả lại cho ông Nguyễn Văn N diện tích 265,8 m² đất tại thửa đất số 855 tờ bản đồ địa chính số 3 tại thôn T 3, xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vị trí được xác định từ số 11 đến số 16 đo đạc theo trích đo bản vẽ của dự án đường D6, tỉnh lộ 2 - Quốc lộ 27C của Công ty TNHH địa chính 7 (kèm theo sơ đồ bản vẽ). Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Đ số tiền hỗ trợ quản lý giữ gìn đất còn lại là 7.757.400 đồng (Bảy triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).

2. Đ chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00316/QSDD/DL-DK ngày 11/5/1998 của ủy ban nhân dân huyện D cấp cho hộ ông Lê T và bà Phạm Thị Đ đối với thửa đất số 855 tờ bản đồ số 3 xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 540,4 m² cho hộ bà Phạm Thị Đ và ông Nguyễn Văn N diện tích 265,8 m².

Ông Nguyễn Văn N được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 265,8 m² thửa đất số 855 tờ bản đồ số 3 xã L, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, vị trí được xác định từ số 11 đến số 16 đo đạc theo trích đo bản vẽ dự án đường D6, tỉnh lộ 2 - Quốc lộ 27C của Công ty TNHH địa chính 7 (kèm theo sơ đồ bản vẽ) theo luật đất đai.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn N khởi kiện bà Phạm Thị Đ trả lại 55.850.000đ tiền đền bù giải tỏa đất.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 17/10/2019, các Bị đơn – bà Lê Thị S, bà Lê Thị Kim P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì: Bản án sơ thẩm buộc các Bị đơn trả lại đất và tiền cho ông N là không có cơ sở, không có căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; các Bị đơn có kháng cáo không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của các Bị đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng: Bản án sơ thẩm buộc các Bị đơn trả lại đất và tiền cho ông N là không có cơ sở, không có căn cứ pháp luật thì thấy:

* Thửa đất số 855 có diện tích 1.495 m² tại tờ bản đồ số 3 xã L, huyện D, được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00316/QSDĐ/DL–DK ngày 11/5/1998 cho hộ ông Lê T và bà Phạm Thị Đ có một phần đất ông Lê P và bà Lương Thị D tương phân cho bà Lê Thị X (bà Lê Thị X là mẹ của ông Nguyễn Văn N) theo Biên bản đồng ưng tương phân động sản và bất động sản ngày 23/5/1973.

* Sau khi có Biên bản tương phân từ năm 1973, bà X vẫn để cho ông T sử dụng đất mà bà X được tương phân. Năm 1998, trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, ông Lê T kê khai nguồn gốc thửa đất do cha, mẹ để lại trước năm 1975 không có giấy tờ, không tranh chấp nên Ủy ban nhân dân huyện D đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và bà Đ. Ông T không kê khai nguồn gốc đất theo Biên bản đồng ưng tương phân động sản và bất động sản ngày 23/5/1973.

* Tại biên bản hòa giải ngày 24/10/2014, bà Đ thống nhất trả cho ông N 90.000.000đ và xin thời gian để bàn bạc thống nhất trong gia đình nhưng sau đó bà Đ không thực hiện.

* Diện tích thửa đất hiện nay chỉ còn lại 806m² (đã bị thu hồi 689,6m², bà Đ đã nhận tiền bồi thường) Phần đất còn lại có diện tích 806,2m² thuộc quyền sử dụng của ông T và bà X, nên mỗi người được sử dụng 403,1m². Hiện nay bà Đ đang quản lý sử dụng diện tích 540,4m², phần còn lại là 265,8m² giao cho ông N sử dụng là hợp lý.

[2]. Từ những phân tích trên, có căn cứ để khẳng định quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh

Khánh Hòa là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi của cả hai bên nên kháng cáo của các Bị đơn - bà Lê Thị S, bà Lê Thị Kim P không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị S, bà Lê Thị Kim P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Đ 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Đ 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn - bà Lê Thị S, bà Lê Thị Kim P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ Đ 166 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Đ 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Án lệ số 24/2018/AL Hội đồng Thẩm phán thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N.

Buộc bà Phạm Thị Đ, bà Lê Thị T, bà Lê Thị L, bà Lê Thị S, bà Lê Thị Kim P và các đồng thừa kế của ông Lê Văn M là bà Diệp Thị H, bà Lê Diệp Liên H1, bà Lê Diệp Anh Đ và bà Lê Diệp Tường V phải trả lại cho ông Nguyễn Văn N diện tích 265,8 m² đất tại thửa đất số 855 tờ bản đồ địa chính số 3 tại thôn T 3, xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vị trí được xác định từ số 11 đến số 16 đo đạc theo trích đo bản vẽ của dự án đường D6, tỉnh lộ 2 - Quốc lộ 27C của Công ty TNHH địa chính 7 (kèm theo sơ đồ bản vẽ).

Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Đ số tiền hỗ trợ quản lý giữ gìn đất còn lại là 7.757.400 đồng (Bảy triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).

2. Điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00316/QSĐĐ/DL-DK ngày 11/5/1998 của ủy ban nhân dân huyện D cấp cho hộ ông Lê T và bà Phạm Thị Đ đối với thửa đất số 855 tờ bản đồ số 3 xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 540,4 m² cho hộ bà Phạm Thị Đ và ông Nguyễn Văn N diện tích 265,8 m².

Ông Nguyễn Văn N được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để

đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 265,8 m² thửa đất số 855 tờ bản đồ số 3 xã L, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, vị trí được xác định từ số 11 đến số 16 đo đạc theo trích đo bản vẽ dự án đường D6, tỉnh lộ 2 - Quốc lộ 27C của Công ty TNHH địa chính 7 (kèm theo sơ đồ bản vẽ) theo luật đất đai.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Áp dụng khoản 1 Đ 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc: Bà Lê Thị S, bà Lê Thị Kim P mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên các lai số: 0001035 (bà S nộp) và 0001036 (bà P nộp) đều cùng ngày 30/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

4. Án phí sơ thẩm và các quyết định khác được thực hiện theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Long